

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 14-7-2017

V/v tranh chấp hôn nhân gia
đình ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Phú

Bà Võ Thị Thủy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm: 1964;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn O, sinh năm: 1958

Cùng nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị N và bị đơn ông Nguyễn Văn O trình bày:

Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn O được người lớn mai mối và gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1992, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2011 vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn do ông O thường xuyên uống rượu, bà N thích ca hát nên thường xuyên bỏ nhà đi và hiện nay đã ly thân hơn 2 năm, có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Bảo X, sinh năm 1993, Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1994, Nguyễn Chí H, sinh năm: 1996, tài sản chung và nợ chung không có.

Nguyên đơn bà Lê Thị N yêu cầu: Yêu cầu ly hôn với ông O, con chung đã trưởng thành, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn O yêu cầu: Không thống nhất ly hôn với bà N, con chung đã trưởng thành, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà N trình bày: Do cuộc sống khó khăn, con nhỏ chỉ lo đi làm ăn nên không đi đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống ông O cũng thường xuyên đánh đập bà nhưng bà chịu đựng vì con. Nay các con bà đã trưởng thành nên bà không chịu đựng tiếp tục sống với ông O, khi ly thân ông O thường xuyên ăn nhậu, hăm dọa giết bà, có hành vi đánh đập bà tại nhà cha mẹ ruột của bà, lúc nào bà cũng lo sợ, Vì vậy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với ông O.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn O trình bày: Ông và bà N không có mâu thuẫn gì trầm trọng, do bà N thích ca hát nên thường xuyên bỏ nhà đi và đi khoảng 2 năm nay, không chịu về nhà. Một phần lỗi cũng do ông hay uống rượu với bạn bè, việc bà N cho rằng ông đánh đập thì ông chỉ có một lần đánh bà N tại nhà ba mẹ vợ, cũng có hăm dọa bà N nhưng với ý muốn cho bà N quay về hàn gắn. Vì ông còn thương vợ con nên ông không đồng ý ly hôn với bà N, đợi các con ông lập gia đình hết thì mới tính chuyện ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] **Về hôn nhân:** Hôn nhân giữa bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn O là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn theo luật định nên đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”

Trong thời gian chung sống thì ông bà phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân hơn 2 năm nay, không thể hàn gắn lại được, tại phiên tòa bà N

cương quyết ly hôn với ông O, ông O không thống nhất. Nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn O là phù hợp với Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[2] **Về con chung:** Đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] **Về tài sản chung và nợ chung:** Tại phiên tòa hôm nay bà N và ông O trình bày ông, bà không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] **Về án phí:** Bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn O. Con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn O.

2/ Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BN-14234 ngày 05/6/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, bà Néo không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lý Thị Bích Thơ